

Số: 44/2021/QĐST-HNGĐ

Ngày: 12 - 11 - 2021.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp:* Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán
- *Thư ký phiên họp:* Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.
- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 200/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021, giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1987, HKTT: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Xuân N** - sinh năm 1987, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Cộng hòa Séc.

* *Người được anh N ủy quyền giao nhận văn bản:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh N và ông A đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/02/2013 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau ngày cưới, anh chị tổ chức cuộc sống chung tại gia đình anh N được khoảng 01 tháng thì anh N tiếp tục đi lao động tại Cộng hòa Séc, còn chị T sinh sống tại gia đình nhà chồng cho đến giữa năm 2016 thì bố mẹ chồng cho mẹ con chị T ra ăn riêng. Anh chị vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm và động viên nhau, thỉnh thoảng anh N có gửi tiền về để chị T nuôi con. Đầu năm 2017 và cuối

năm 2019, anh N có về thăm vợ con và gia đình, mỗi lần về thăm gia đình được khoảng 02 tháng rồi lại đi sang Cộng hòa Séc sinh sống, đến nay chưa về Việt Nam. Anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, không thống nhất được cách tổ chức cuộc sống chung vợ chồng, dẫn đến không còn nói chuyện được với nhau, thường xảy ra cãi vã và to tiếng với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị không còn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau, chị T đã cho con về gia đình nhà đẻ ở từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay chị T và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 28/11/2013, hiện đang ở với chị T. Hai bên đều thống nhất thỏa thuận giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn A nhất trí nhận ủy quyền giao nhận văn bản của anh N. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho anh N và cho biết anh N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N và chị T, nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Ông A nhất trí nộp lệ phí dân sự về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung thay cho anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân N. Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh S, sinh ngày 28/11/2013, anh N cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T chịu toàn bộ 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm; anh N phải chịu 150.000đ lệ phí dân sự về việc thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con chung (ông A nộp thay).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân N đều có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh N có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa

Séc nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xử vắng mặt và giấy ủy quyền của anh Nguyễn Xuân N đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Chị T, anh N và ông A đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/02/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới, anh chị tổ chức cuộc sống chung được khoảng 01 tháng thì anh N đi lao động tại Cộng hòa Séc, còn chị T sinh sống tại gia đình nhà chồng cho đến giữa năm 2016 thì ăn riêng. Do anh chị sống xa cách mỗi người một nơi nên không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, không thống nhất được cách tổ chức cuộc sống chung, dẫn đến không còn nói chuyện được với nhau, thường xảy ra cãi vã và to tiếng nên chị T đã cho con về gia đình nhà đẻ ở từ tháng 4/2021 cho đến nay. Từ đó cả hai đều không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không tìm biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn nới kéo cuộc sống chung, thực tế anh N hiện đang lao động tại Cộng hòa Séc cho đến nay chưa về nước. Hai bên đều làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 28/11/2013. Xét con chung của anh chị đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo cuộc sống, anh N đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con tới đủ 18 tuổi, anh N nhất trí. Việc thỏa thuận nuôi con của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị T, anh N đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên Tòa án chấp nhận. Anh N phải chịu 150.000đ lệ phí dân sự về việc thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chấp nhận ông A nộp lệ phí thay cho anh N.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân

sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân N.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh S, sinh ngày 28/11/2013. Anh Nguyễn Xuân N cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, anh N còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0004267 ngày 12/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (*Chị T đã nộp đủ lệ phí ly hôn*).

Anh Nguyễn Xuân N phải chịu 150.000đ lệ phí dân sự về việc thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con chung. (*ông Nguyễn Văn A là bố đẻ nộp thay anh N*).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Mạc Minh Quang